

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ- ST

Ngày 17-8-2021

V/v tranh chấp chia tài
sản chung sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Xuân Vũ

- Bà Vũ Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu
Phuong- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc chia tài sản chung sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13-7-2021 Quyết định hoãn phiên tòa số 35/QĐST-HNGĐ ngày 30-7-2021; thông báo mở lại phiên tòa số 21 ngày 04-8-2021 giữa;

Nguyên đơn: Chị Đỗ Như H, sinh năm 1977- Vắng mặt có lý do mặt

Địa chỉ: Thôn Y, xã M, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Nông Văn G, sinh năm 1971- Có mặt

Địa chỉ: Thôn Y, xã M, Huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13-01-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Như H trình bày: Chị H và anh G đã được giải quyết ly hôn bằng bản án số 66/2020/HNGĐ- ST ngày 26-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện L; về tình cảm tuyên bố anh G và chị H không phải là vợ chồng; về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận nhưng nay không thỏa thuận được chị đề nghị Tòa án giải quyết. Tài sản chung gồm có: 01 nhà xây mái bằng 01 tầng khoảng 100 m², trị giá 200.000.000 đồng, nhà xây trên diện tích đất thổ cư đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên Nông Văn G và Đỗ Như H. Về nhà xây chị có nguyện vọng chia đôi, ai sử dụng nhà xây thì phải có trách nhiệm thanh toán một nửa cho người

không sử dụng 100.000.000 đồng. 01 thửa đất thổ cư diện tích 224,6 m² GCNQSDĐ mang tên Nông Văn G và Đỗ Như H trị giá 200.000.000 đồng, về diện tích đất trên chỉ yêu cầu chia đôi chỉ được sử dụng một nửa; 01 thửa đất vườn tạp diện tích 304,4 m² GCNQSDĐ mang tên Nông Văn G và Đỗ Như H, trị giá 150.000.000 đồng. Về thửa đất này chỉ có nguyện vọng chia đôi, chỉ được sử dụng 1/2 diện tích. 01 tủ lạnh AQUA 180L mua năm 2019, trị giá 3.000.000 đồng hiện đang ở nhà chung nếu như anh G có nhu cầu sử dụng chị H nhất trí; 02 tủ đựng quần áo trị giá 3.000.000 đồng chị có nguyện vọng chia đôi mỗi người một tủ; 03 giường nằm trị giá 5.000.000 đồng chị có nguyện vọng chia đôi. Các tài sản là bất động sản chị H yêu cầu chia đôi nhưng chị không lấy tiền mặt mà lấy đất để sử dụng. Ngoài ra còn một số đồ dùng sinh hoạt gia đình không tính trị giá anh chị tự thỏa thuận.

Biên bản ghi lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Anh Nông Văn G trình bày anh G và chị H có những tài sản chung sau: 01 nhà xây mái bằng 01 tầng, gác lửng khoảng 100 m², trị giá nhà khoảng 75.000.000 đồng, nhà xây trên đất thổ cư diện tích 224,6 m² GCNQSDĐ mang tên Nông Văn G, Đỗ Như H trị giá đất 75.000.000 đồng. Anh G có nguyện vọng được sử dụng ngôi nhà và đất thổ cư; 01 thửa đất vườn tạp diện tích 304,4 m² GCNQSDĐ mang tên Nông Văn G, Đỗ Như H trị giá 200.000.000 đồng, anh G có nguyện vọng được sử dụng thửa đất này; 01 tủ lạnh AQUA 180L mua năm 2019 trị giá 3.000.000 đồng, anh G có nguyện vọng được sử dụng; 02 tủ đựng quần áo trị giá 3.000.000 đồng, nguyện vọng anh G chia đôi mỗi người một tủ; 03 giường nằm trị giá 5.000.000 đồng, anh có nguyện vọng chia đôi. Ngoài ra còn một số đồ dùng sinh hoạt gia đình không tính trị giá, anh G và Chị H tự thỏa thuận. Tổng giá trị tài sản khoảng 400.000.000 đồng. Anh G không nhất trí chia tài sản là quyền sử dụng đất chỉ trích chia cho chị H trị giá 100.000.000 đồng, 01 tủ đựng quần áo và 01 giường nằm gỗ lỵ.

Ngày 24-4-2021 Tòa án nhân dân huyện L đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ các tài sản chung của anh G và chị H ở Thôn Y, xã M, huyện L, tỉnh Y gồm:

- 01 thửa đất ở GCNQSDĐ mang tên Nông Văn G, Đỗ Như H, thửa 462, số vào sổ cấp GCN: CH03644 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 18-10-2018, tổng diện tích 254,8 m² trong đó: Diện tích trong GCNQSDĐ 224,6 m², Diện tích ngoài GCNQSDĐ 14,1 m² và diện tích hành lang đường điện 16,1 m²; vị trí: Phía Bắc giáp đất ông Lê Văn H; phía Nam giáp thửa đất 463; phía Tây giáp đất hộ ông Phạm Văn M; phía Đông giáp đường tỉnh lộ 171.

- 01 thửa đất vườn GCNQSDĐ mang tên Nông Văn G, Đỗ Như H, thửa số 463, số vào sổ cấp GCN: CH03645 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 18-10-2018, tổng diện tích 457,9 m² trong đó: Diện tích trong GCNQSDĐ 304,4 m², diện tích ngoài GCNQSDĐ 52,1 m² và diện tích hành lang đường điện 101,4 m²; vị trí: Phía Bắc giáp thửa 462; phía Nam giáp bà Mông Thị C; phía Tây giáp đất ông Phạm Văn M; phía Đông giáp đường tỉnh lộ 171;

- Tài sản trên thửa đất 462: 01 nhà xây mái bằng 01 tầng, gác lửng, diện tích 67,4 m² nhà xây năm 2005 và 01 mái hiên lợp tôn 5m x 5,6m = 28 m²; 01 tủ lạnh Aqua 180L mua năm 2019; 02 tủ đựng quần áo gỗ xoan 1,2 m x 2,0 m; 03 giường nằm trong đó 02 giường gỗ lỵ 1,6 m x 2 m và 01 giường gỗ xoan 1,2 m x 2 m.

Ngày 02-7-2021 Hội đồng định giá tài sản huyện L đã tiến hành định giá các tài sản chung của anh G và Chị H:

- 01 thửa đất ở thửa số 462, diện tích trong GCNQSDĐ 224,6 m², trị giá 200.000.000 đồng; (không định giá diện tích đất ngoài GCNQSDĐ và diện tích đất hành lang đường điện).

- 01 thửa đất vườn tạp thửa số 463, diện tích trong GCNQSDĐ 304,4 m², trị giá 150.000.000 đồng; (không định giá diện tích đất ngoài GCNQSDĐ và diện tích đất hành lang đường điện).

- 01 nhà xây mái bằng 01 tầng, gác lửng, diện tích 67,4 m² xây năm 2005 và 01 mái hiên lợp tôn diện tích 28 m², trị giá nhà và mái hiên 200.000.000 đồng:

- 01 tủ lạnh A Qua 180L mua năm 2019, trị giá 3.000.000 đồng:

- 02 tủ đựng quần áo gỗ xoan 1,2 m x 2,0 m, trị giá 3.000.000 đồng (mỗi tủ 1.500.000 đồng):

- 03 giường nằm trong đó 02 giường gỗ lý 1,6 m x 2 m trị giá 4.000.000 đồng (mỗi giường 2.000.000 đồng) và 01 giường gỗ xoan 1,2 m x 2 m trị giá 1.000.000 đồng.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 16, 59, 62 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử: Giao cho chị H sử dụng diện tích đất ở 110 m² thửa số 462b, trị giá 97.952.000 đồng và tạm giao 6,5 m² đất ngoài GCNQSDĐ; diện tích đất vườn tạp 152,2 m² thửa số 463a, trị giá 75.000.000 đồng và tạm giao 15,2 m² đất ngoài GCNQSDĐ; 01 tủ đựng quần áo trị giá 1.500.000 đồng; 01 giường nằm gỗ Lý trị giá 2.000.000 đồng. Giao cho anh G sử dụng: Diện tích đất ở 114,6 m² thửa số 462a, trị giá 102.048.000 đồng và tạm giao 7,5 m² đất ngoài GCNQSDĐ; diện tích đất vườn tạp 152,2 m² thửa số 463b, trị giá 75.000.000 đồng và tạm giao 36,9 m² đất ngoài GCNQSDĐ; 01 nhà xây trên thửa đất 462a, 01 tầng và mái hiên lợp tôn trị giá 200.000.000 đồng; 01 tủ lạnh trị giá 3.000.000 đồng; 01 tủ đựng quần áo trị giá 1.500.000 đồng; 01 giường gỗ lý trị giá 2.000.000 đồng và 01 giường gỗ xoan trị giá 1.000.000 đồng. Anh G có trách nhiệm trích chia chênh lệch tài sản cho chị H 104.048.000 đồng; Chị H và anh G phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về chia tài sản chung sau ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

[3] Về tài sản chung Chị H và anh G có những tài sản gồm: 01 thửa đất ở thửa số 462, diện tích 224,6 m² đất trong GCNQSDĐ trị giá 200.000.000 đồng và 14,1 m² đất ngoài GCNQSDĐ; 01 thửa đất vườn tạp thửa số 463, diện tích 304,4 m² đất trong GCNQSDĐ trị giá 150.000.000 đồng và 52,4 m² đất ngoài GCNQSDĐ; 01 nhà xây mái bằng, gác lửng 67,4 m² và 01 mái hiên lợp tôn diện tích 28 m² trị giá 200.000.000 đồng; 01 tủ lạnh AQUA 180L mua năm 2019, trị giá: 3.000.000 đồng; 02 tủ đựng quần áo gỗ xoan 1,2 m x 2,0 m trị giá 3.000.000 đồng (mỗi tủ 1.500.000 đồng); 03 giường nằm, trong đó 02 giường gỗ lý 1,6 m x 2,0 m trị giá 4.000.000 đồng (mỗi giường 2.000.000 đồng) và 01 giường gỗ xoan 1,2 m x 2,0 m trị giá 1.000.000 đồng. Tổng trị giá 561.000.000 đồng. Ngoài ra còn một số đồ dùng sinh hoạt không tính trị giá anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Chị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu chia tài sản chung phần của chị được hưởng như sau: Một phần thửa đất ở, thửa số 462b diện tích 110 m² trị giá 97.952.000 đồng và 6,5 m² đất ngoài GCNQSDĐ; 1/2 thửa đất vườn tạp thửa số 463a diện tích 152,2 m² trị giá 75.000.000 đồng và 15,2 m² đất ngoài GCNQSDĐ; 01 tủ đựng quần áo gỗ xoan trị giá 1.500.000 đồng; 01 giường nằm gỗ lý trị giá 2.000.000 đồng. Tổng trị giá 176.452.000 đồng. Phần anh G được chia gồm: Một phần thửa đất ở thửa số 462a diện tích 114,6 m² trị giá 102.048.000 đồng và 7,6 m² đất ngoài GCNQSDĐ; 1/2 thửa đất vườn tạp thửa số 463b, diện tích 152,2 m² trị giá 75.000.000 đồng và 36,9 m² đất ngoài GCNQSDĐ; 01 nhà xây mái bằng, gác lửng 67,4 m² và 01 mái hiên lợp tôn diện tích 28 m² trị giá 200.000.000 đồng; 01 tủ lạnh trị giá 3.000.000 đồng; 01 tủ đựng quần áo gỗ xoan trị giá 1.500.000 đồng; 02 giường nằm trong đó 01 giường gỗ Lý 2.000.000 đồng và 01 giường gỗ xoan 1.000.000 đồng, tổng trị giá 384.548.000 đồng. Anh G có nghĩa vụ trích chia chênh lệch tài sản cho chị H 104.048.000 đồng. Về phía anh G không đồng ý chia tài sản là quyền sử dụng đất cho Chị H, anh G chỉ nhất trí trích chia cho Chị H 100.000.000 đồng, 01 tủ đựng quần áo và 01 giường nằm gỗ lý. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H và anh G tuy không phải là vợ chồng nhưng đã có thời gian dài từ năm 1997 đến năm 2020 chung sống với nhau như vợ chồng. Chị H, anh G cùng có công sức đóng góp vào việc tạo lập, tôn tạo, duy trì khối tài sản chung như nhau. Theo quy định khoản 2 Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “Việc giải quyết quan hệ tài sản phải đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con; công việc nội trợ và công việc khác có liên quan để duy trì đời sống chung được coi

như lao động có thu nhập” do đó yêu cầu chia tài sản chung của chị H là có căn cứ. Áp dụng Điều 16, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 210 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị H.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản đã chi phí hết 7.090.000 đồng. Chị H, anh G được hưởng phần giá trị tài sản như nhau nên mỗi người phải chịu 1/2 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Chị H đã nộp tạm ứng 7.090.000 đồng, nay anh G phải có nghĩa vụ hoàn trả chị H 3.545.000 đồng

[5] Về án phí:

- Chị H phải chịu án phí chia tài sản: $280.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 14.025.000$ đồng;

- Anh G phải chịu án phí chia tài sản: $280.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 14.025.000$ đồng;

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 16, 59 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 210, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về tài sản chung xử:

+ Giao cho Chị Đỗ Như H được sử dụng, sở hữu các tài sản: Một phần thửa đất ở thửa số 462b, diện tích 110 m² GCNQSDĐ mang tên Nông Văn G, Đỗ Như H, sổ vào sổ cấp GCN: CH03644 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 18-10-2018, trị giá 97.952.000 đồng (chín mươi bảy triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng) và tạm giao 6,5 m² đất ngoài GCNQSDĐ, vị trí: Phía Bắc giáp thửa 462a chiều dài 24,46 m, phía Nam giáp thửa 463a chiều dài 23,48 m, phía Tây giáp đất hành lang đường điện chiều dài 5,00 m, phía Đông giáp đường tỉnh lộ 171 chiều dài 5,00 m (có sơ đồ kèm theo); 1/2 thửa đất vườn tạp, thửa số 463a, diện tích 152,2 m² GCNQSDĐ mang tên Nông Văn G, Đỗ Như H, sổ vào sổ cấp GCN: CH03645 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 18-10-2018, trị giá 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng) và tạm giao 15,2 m² đất ngoài GCNQSDĐ, vị trí: Phía Bắc giáp thửa 462b chiều dài 23,48 m, phía Nam giáp thửa 463b chiều dài 22,35 m, phía tây giáp đất hành lang đường điện chiều dài 8,11 m, phía đông giáp đường tỉnh lộ 171 chiều dài 6,86 m (có sơ đồ kèm theo); 01 tủ đựng quần áo gỗ xoan 1,2 m x 2,0 m trị giá 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng); 01 giường nằm gỗ lý 1,6 m x 2,0 m trị giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Tổng trị giá 176.452.000 đồng (một

trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng). Các tài sản ở tại Thôn Y, xã M, huyện L, tỉnh Y.

- Chị H được nhận từ anh G trích chia chênh lệch tài sản 104.048.000 đồng (một trăm linh tư triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng)

+ Giao cho Anh Nông Văn G được sử dụng, sử hữu các tài sản: Một phần thửa đất ở thửa 462a diện tích 114,6 m² GCNQSDĐ mang tên Nông Văn G, Đỗ Như H, số vào sổ cấp GCN: CH03644 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 18-10-2018, trị giá 102.048.000 đồng (một trăm linh hai triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng) và tạm giao 7,6 m² đất ngoài GCNQSDĐ, vị trí: Phía Bắc giáp đất ông Lê Văn H chiều dài 23,88 m, phía nam giáp thửa 462b chiều dài 24,46 m, phía Tây giáp đất hành lang đường điện chiều dài 3,61 m + 1,71 m, phía Đông giáp đường tỉnh lộ 171 chiều dài 5,00 m (có sơ đồ kèm theo); 1/2 thửa đất vườn tạp, thửa số 463b, diện tích 152,2 m² GCNQSDĐ mang tên Nông Văn G, Đỗ Như H, số vào sổ cấp GCN: CH03645 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 18-10-2018, trị giá 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng) và tạm giao 36,9 m² đất ngoài GCNQSDĐ, có vị trí: Phía Bắc giáp thửa 463a chiều dài 22,35 m, phía Nam giáp đất bà Mông Thị C chiều dài 20,44 m, phía Tây giáp đất hành lang đường điện chiều dài 11,15 m, phía đông giáp đường tỉnh lộ 171 chiều dài 6,85 m (có sơ đồ kèm theo); 01 nhà xây năm 2005 mái bằng, gác lửng 67,4 m² (nhà xây trên thửa đất 462a) và 01 mái hiên lợp tôn diện tích 28 m² trị giá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); 01 tủ lạnh A Qua 180L mua năm 2019 trị giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); 01 tủ đựng quần áo gỗ xoan 1,2 m x 2,0 m trị giá 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng); 02 giường nằm trong đó: 01 giường gỗ lý 1,6 m x 2,0 m trị giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và 01 giường gỗ xoan 1,2 m x 2,0 m trị giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Tổng trị giá 384.548.000 đồng (ba trăm tám mươi tư triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Các tài sản ở tại Thôn Y, xã M, huyện L, tỉnh Y.

- Anh G phải trích chia chênh lệch tài sản cho chị H 104.048.000 đồng (một trăm linh tư triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật chị H, anh G có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai thửa đất để được cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2- *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản:* Anh G phải có nghĩa vụ hoàn trả Chị H tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản 3.545.000 đồng (ba triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

3- *Về án phí:*

- Chị Đỗ Như H phải chịu 14.025.000 đồng (mười bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung. Nhưng được trừ

vào số tiền 7.530.000 đồng (bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) Chị H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2017/0008453 ngày 13-01-2021 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị H còn phải nộp 6.495.000 đồng (sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Anh Nông Văn G phải chịu 14.025.000 đồng (mười bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung.

4- Quyền kháng cáo:

- Chị Đỗ Như H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

- Anh Nông Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Y;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh